

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 29-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D KINH, T PHỐ HẢI PHÒNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao T Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Mai Phương - Bí thư quận Đoàn D Kinh

Bà Trần Minh Thư - Giáo viên trường THPT Mạc Đĩnh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận D Kinh, T phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D Kinh, T phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D Kinh, T phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tùng D, sinh ngày 26/01/2006 tại Hải Phòng (tính đến ngày phạm tội 17 năm, 07 tháng, 19 ngày tuổi). Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ 2, phường Văn Đầu, quận K, T phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ T và bà Bùi Thị M chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/3/2024; có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/11/2005 tại Hải Phòng (tính đến ngày phạm tội 17 năm, 9 tháng, 26 ngày tuổi). Nơi cư trú: Tổ dân phố P 4, phường Đ, quận D Kinh, T phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do. trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ

ngày 29/02/2024; có mặt

3. Nguyễn P T, sinh ngày 13/9/2006 tại Hải Phòng (tính đến ngày phạm tội 16 năm, 11 tháng, 29 ngày tuổi). Nơi cư trú: Thôn N 2, xã T, huyện A, T phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn P L và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/02/2024; có mặt

4. Trần Việt P, sinh ngày 01/06/2007 tại Hải Phòng (tính đến ngày phạm tội 16 năm, 3 tháng, 13 ngày tuổi). Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường Đ, quận D Kinh, T phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Bùi Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/02/2024; có mặt

5. Bùi Văn Đ, sinh ngày 09/4/2004 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N 3, xã T, huyện A, T phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn V và bà Phạm Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị can đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 02/01/2024 đến ngày 11/01/2024 chuyển tạm giam. Ngày 31/5/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn P T: Ông Trần Quý Toàn và bà Vũ Thị Minh Hiếu là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước T phố Hải Phòng. Ông Toàn vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Hiếu có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn P T là: ông Nguyễn Phú L sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn N 2, xã T, huyện A, T phố Hải Phòng. Ông Long, bà Ngân có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Việt P là: ông Trần Văn K sinh năm 1968 và bà Bùi Thị L; nơi cư trú: Tổ dân phố Quảng Luận, phường Đ, quận Dương Kinh, T phố Hải Phòng. Ông K và bà L có mặt.

Đại diện Đoàn thanh niên xã T, huyện A, T phố Hải Phòng: Ông Phùng Xuân Vt. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Đại diện Đoàn thanh niên phường Đ, quận Dương Kinh, T phố Hải Phòng: Ông Hoàng Văn C. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/9/2023, Nguyễn Tùng D và Nguyễn Văn T xảy ra mâu thuẫn cãi, chửi nhau trên mạng xã hội FaceBook, hai bên hẹn tối 14/9/2023 đến khu vực phường Đ, quận Dương Kinh gặp nhau để giải quyết. Sau khi hẹn gặp T, D gọi điện thoại nói chuyện với Nguyễn P T và rủ đi đánh T, T đồng ý, D dặn T, khi đi mang theo hung khí. Khoảng 20 giờ, ngày 14/9/2023, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15N1-315.14 đến thôn N, xã T, huyện A đón T, T rủ thêm Bùi Văn Đ cùng tham gia, Đ đồng ý. T chuẩn bị 01 thanh kiếm dài 80 cm (phần cán bằng gỗ dài 08cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 72cm) mang theo, rồi điều khiển xe mô tô chở Đ, D đi theo chỉ dẫn định vị T gửi cho D đến khu vực phường Đ, quận D Kinh.

Về phía Nguyễn Văn T, sau khi hẹn gặp D, T đã nói chuyện với Trần Việt P. Tối 14/9/2023, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16N4-6591 đến nhà P và rủ đi đánh D, P đồng ý, T gửi định vị cho D. Khi đi P mang theo một đoạn tuýp sắt dài khoảng 30cm, đường kính khoảng 2,1cm. T điều khiển xe mô tô chở P đến đường Đ thì thấy T điều khiển xe mô tô chở D, Đ đang đi phía trước, T nói với P “*nhóm thằng D đây rồi*”, và điều khiển xe chạy vượt qua xe của T. T liền đuổi theo thì T chạy vào trong ngõ nên T không đuổi theo nữa, quay xe lại đi về hướng ngã ba Đ. Khi T đi được một đoạn, D quay lại quan sát thì thấy xe của T, P đang đi phía sau nên bảo T quay lại đuổi, T điều khiển xe quay lại, thì Đ ngồi sau T cầm thanh kiếm ở tay phải giơ ra phía ngoài. Thấy nhóm của D có kiếm, T liền điều khiển xe quay đầu bỏ chạy, P ngồi sau cầm đoạn tuýp sắt ở tay trái vung, vụt về phía sau. T đuổi theo khoảng 200m gần đến xe của T, P liền ném đoạn tuýp sắt về phía T, T tránh được thì tuýp sắt trúng vào ngực Đ, Đ cầm kiếm chém theo trúng vào lưng P nhưng không gây thương tích. T tiếp tục đuổi T đến trước cửa số nhà 200 đường Đ thì xe của T tự đâm vào xe mô tô biển kiểm soát 15B3- 634.39 của bà Trần Thị N và xe máy điện biển kiểm soát MĐ-520.05 của anh Trần Công D dựng sát vỉa hè làm hai xe hư hỏng. Xe mô tô do T điều khiển bị đổ xuống đường, T bị thương tích phải đi điều trị tại bệnh viện K, P bị xây xước nhẹ.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 392/2024/KLTgTHS-TTPYHP ngày 22/5/2024 của Trung tâm pháp y T phố Hải Phòng đối với thương tích của Nguyễn Văn T: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T do chấn động não gây nên qua hồ sơ là 02%. Riêng sưng nề tụ máu dưới da vùng trán thái D đỉnh phải và trầy xước da vùng thái D phải, ngực, vai phải do giám định trên hồ sơ nên không có căn cứ đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Tùng D, Bùi Văn Đ, Nguyễn P T, Nguyễn Văn T, Trần Việt P khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Về vật chứng: 01 đoạn tuýp sắt Trần Việt P mang theo đã sử dụng ném vào người Bùi Văn Đ trên đường Đ, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được; 01 thanh kiếm dài 80 cm (phần cán bằng gỗ dài 08cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 72cm), Nguyễn P T đã tự nguyện giao nộp chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận D Kinh quản lý; xe mô tô biển kiểm soát 16N4-6591, kết quả xác minh là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn T (bố đẻ của bị cáo T); xe mô tô biển kiểm soát 15N1-315.14, kết quả xác minh là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Đ T (bố đẻ của bị cáo D). Các bị cáo T, D tự ý lấy xe đi, ông T, ông T đều không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Đ T.

Trách nhiệm dân sự: Gia đình Nguyễn Tùng D, Nguyễn P T, Trần Việt P, Bùi Văn Đ đã cùng nhau bồi thường cho Nguyễn Văn T 9.000.000 đồng, T không yêu cầu bồi thường gì thêm. Các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường chi phí sửa chữa xe mô tô biển kiểm soát 15B3 - 634.39 cho bà Trần Thị N số tiền 6.641.000 đồng; bồi thường chi phí sửa chữa xe máy điện biển kiểm soát MĐ - 520.05 cho anh Trần Công D số tiền 10.000.000 đồng. Bà N, anh D không còn yêu cầu gì thêm.

Trong vụ án này, Bùi Văn Đ có hành vi dùng kiếm chém vào lưng Trần Việt P nhưng không gây thương tích; Trần Việt P có hành vi ném thanh tuýp sắt vào ngực Bùi Văn Đ làm xây xước da, Đ không có yêu cầu gì nên không có căn cứ giải quyết.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 25/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận D Kinh đã truy tố Nguyễn Tùng D, Bùi Văn Đ, Nguyễn P T, Nguyễn Văn T, Trần Việt P về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Tùng D, Bùi Văn Đ, Nguyễn P T, Nguyễn Văn T, Trần Việt P đồng phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng D với mức án từ 24 đến 27 tháng tù;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ với mức án từ 24 đến 27 tháng tù

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn P T với mức án từ 18 đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Trần Việt P với mức án từ 18 đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án từ 21 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đề nghị xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kiếm dài 80 cm

Ngoài ra còn đề nghị án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn P T trình bày: Việc điều tra, truy tố và đưa ra xét xử đối với bị cáo về hành vi Gây rối trật tự công cộng là đúng người đúng tội. Đồng ý về tội danh, mức hình phạt; về tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo: đề nghị áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 54 xử bị cáo dưới khung hình phạt; xem xét tới đường lối xử lý đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, áp dụng hình phạt nhẹ nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để cho bị cáo có điều kiện cải tạo, trở T công dân có ích cho xã hội. Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo đồng ý với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Việt P nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D Kinh, T phó Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận D Kinh, T phó Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn giữa Nguyễn Tùng D và Nguyễn Văn T, hai bên hẹn gặp và rủ thêm người để giải quyết mâu thuẫn. Khi đi hai bên đã mang theo mang theo 01 thanh kiếm và 01 đoạn tuýp sắt. Khoảng 20 giờ 30 Pt ngày 14/9/2023, trên đường Đ, phường Đ, quận D Kinh, Nguyễn P T điều khiển xe mô tô chở Bùi Văn Đ, Nguyễn Tùng D; Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô chở Trần Việt P, hai nhóm đã sử dụng hung khí mang theo đuổi đánh nhau, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến giao thông, gây náo loạn đường phố, bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại khu vực đường Đ, phường Đ, quận D Kinh. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo sử dụng thanh kiếm và tuýp sắt là hung khí đuổi đánh nhau làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại khu vực đầu đường Đ, phường Đ, quận D Kinh nên các bị cáo phải chịu tình tiết "*Dùng hung khí nguy hiểm...*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận D Kinh truy tố bị cáo Nguyễn Tùng D, Nguyễn P T, Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn T và Trần Việt P về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm nên khi quyết định hình phạt cần căn cứ vai trò, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi một cách bột phát, không có sự bàn bạc với nhau là đồng phạm giản đơn. Bị cáo D là người rủ rê bị cáo T và Đ, chủ động tìm đến khu vực cư trú của T, D dẫn T mang hung khí nên vai trò của bị cáo D cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Đ khi thực hiện hành vi phạm tội đã T niên, là người thực hành tích cực, trực tiếp cầm kiếm chém P nên bị cáo có vai trò thứ hai; bị cáo T, P, T có vai trò ngang nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo T khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo

được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đ đầu thú; bị cáo P có ông ngoại có công với cách mạng được tặng thưởng huân huy chương, có bác là Liệt sỹ; bị cáo T có ông ngoại là liệt sỹ; bị cáo Đ có ông nội có công với cách mạng được tặng thưởng huân huy chương. Mặt khác, các bị cáo còn cùng nhau khắc phục thiệt hại trong quá trình gây rối trật tự công cộng gây ra các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về quan điểm bào chữa: Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T, người đại diện hợp pháp cho bị cáo T, bị cáo P: Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của người bào chữa, người đại diện cho các bị cáo cơ bản phù hợp với quy định pháp luật và các tình tiết trong vụ án vì vậy được Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi quyết định hình phạt. Đối với đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự đối với bị cáo T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[8] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Căn cứ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy:

[8.1] Như phân tích ở trên, mặc dù bị cáo D có vai trò chính, cáo nhất trong vụ án nhưng khi phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, bị cáo Đ có vai trò thứ hai nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội đã đủ 18 tuổi nên hình phạt sẽ ngang nhau; cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[8.2] Các bị cáo T, P, T được áp dụng các quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự. Hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với các bị cáo không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định theo Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xét các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo là người chưa T niên, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số

01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không cần thiết phải buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[9] Về vật chứng: Xét thanh kiếm dài 80 cm là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy. Ngoài ra, 01 đoạn tuýp sắt Trần Việt P mang theo đã sử dụng ném vào người Bùi Văn Đ trên đường Đ, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được; xe mô tô biển kiểm soát 16N4-6591, xe mô tô biển kiểm soát 15N1-315.14, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông Tiến và ông Triển nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Tùng D;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Bùi Văn Đ;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 65 của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn P T, Trần Việt P;

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tùng D, Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn P T, Trần Việt P đồng phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng D 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/3/2024.

- Xử phạt Bùi Văn Đ 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2024 đến ngày 31/5/2024.

- Xử phạt Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Nguyễn P T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Trần Việt P 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn P T, Trần Việt P.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Việt P cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quận D Kinh, T phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn P T cho Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn, huyện A, T phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu

trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kiếm dài 80 cm (phần cán bằng gỗ dài 08cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 72cm), theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D Kinh, T phố Hải Phòng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Tùng D, Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn P T, Trần Việt P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn P T, Trần Việt P không có tài sản riêng thì người đại diện hợp pháp của các bị cáo phải nộp thay.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo T, người đại diện hợp pháp cho bị cáo T, bị cáo P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận D Kinh;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an Q.D Kinh;
- Cơ quan THAHS quận D Kinh;
- PV06; PC 10;
- Chi cục THADS quận D Kinh;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Các bị cáo;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Tòa án TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao T Ngọc